



VN-Index tăng mạnh 1,7%

Ngày báo cáo 28/10/2025

Phòng Nghiên cứu & Phân tích
research@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588

Điểm nhấn thị trường

VN-Index tăng mạnh 1,7%

VN-Index đã tăng mạnh 1,7% (+27,9 điểm), đóng cửa phiên giao dịch ở mức 1.680,5 điểm. Cổ phiếu ngân hàng chiếm 5/10 các cổ phiếu đóng góp sắc xanh cho chỉ số. Toàn sàn ghi nhận 208 mã tăng, 93 mã giảm và 55 mã đi ngang. Thanh khoản giảm so với phiên trước, đạt 29,6 nghìn tỷ đồng.

- Các ngân hàng trên bao gồm VPB (+4,1%), TCB (+2,7%), VCB (+1,4%), HDB (+3,5%) và BID (+1,6%). Không ghi nhận mã giảm điểm nào trong ngành này.
- Các cổ phiếu bất động sản VIC (+2,9%), VRE (+1,9%), BCM (+1,5%), KDH (+3,1%), PDR (+4,3%) và DXG (+3,9%) tăng mạnh.
- Ngành công nghiệp diễn biến tích cực với GEE (+1,2%), GEX (+6,3%), VGC (+1,2%), VCG (+2,4%) và VTP (+1,3%) ghi nhận mức tăng vững chắc.
- Các mã vốn hóa lớn tăng điểm đáng chú ý ở các ngành khác bao gồm công ty công nghệ FPT (+4,3%), nhà sản xuất thép HPG (+2,1%), công ty tiện ích GAS (+1,2%), nhà bán lẻ MWG (+3,9%) và hãng hàng không VJC (+6,9%).

Dữ liệu thị trường

	VNI	HNI	UPCOM
Điểm	1680,5	266,8	111,0
% Δ	1,7%	0,5%	-0,3%
- % Δ 1 tuần	1,0%	0,8%	1,4%
- % YTD	32,7%	17,3%	16,7%
- % YOY	33,9%	18,8%	20,4%
GTGD			
- Hôm nay (triệu)	\$1.129,4	\$93,2	\$22,2
- TB 1 tháng (triệu)	\$1.304,8	\$97,1	\$22,8
- TB 1 năm (triệu)	\$944,7	\$66,9	\$33,6
- TB QTD	\$1.322,4	\$98,2	\$23,0
- % TB QTD/TB quý gần nhất	-12,1%	-17,3%	-47,9%
Khối ngoại			
- Mua (triệu)	\$186,0	\$3,4	\$1,1
- Bán (triệu)	\$128,2	\$6,3	\$0,7
- GT ròng (triệu)	\$57,8	-\$2,9	\$0,4
Độ rộng TT			
Mã tăng	229	91	133
Mã giảm	96	54	162
Không đổi	90	162	618
Chỉ số chính			
GT vốn hóa (tỷ)	284,3	17,7	54,2
P/E trượt 12T	15,0	23,6	15,1
LS cổ tức*	3,1%	3,1%	6,6%
Giao dịch			
Phái sinh	Giá	KL mở cửa	GTGD (tr USD)
VN30F1M	1.940,9	40.435	64,0
VN30F2M	1.934,4	2.821	12,2
VN30F1Q	1.930,0	270	0,8
VN30F2Q	1.935,0	96	0,4
VN100F1M	1.846,7	97	1,0
VN100F2M	1.830,5	7	0,1
VN100F1Q	1.812,9	24	0,1
VN100F2Q	1.828,6	13	0,4
USD/VND			26.302

Nguồn: Fiinpro, HSX, HNX

*Phương pháp của Fiinpro được tính toán dựa trên các công ty đã chi trả cổ tức cho năm hiện tại, thay vì toàn bộ VN-Index. Theo Bloomberg, lợi suất cổ tức 12 tháng tổng hợp cho VN-Index tính đến ngày 30/5 là 1,84%.

Quan điểm kỹ thuật

Áp lực giảm trong phiên 12/02 có thể sẽ khiến VN-Index điều chỉnh trở lại hỗ trợ trong phiên 1.260 (+/-3) điểm trong ngày mai. Để giữ được tín hiệu tăng có được từ phiên 23/01, áp lực cung cần suy yếu quanh hỗ trợ hoặc hoạt động mua có sự cải thiện trở lại trên diện rộng. Trường hợp áp lực bán gia tăng và hỗ trợ trong phiên bị vi phạm sẽ làm tăng khả năng phá vỡ cấu trúc tăng giá đang có trong các phiên tiếp theo.

Các nhà đầu tư có thể theo dõi tín hiệu kỹ thuật của Top 15 cổ phiếu ảnh hưởng mạnh nhất đến VN-Index, Top 10 cổ phiếu ảnh hưởng mạnh nhất đến HNX-Index và UpCom Index; cũng như của một số các cổ phiếu đầu cơ do Vietcap lựa chọn.

Để tải về báo cáo chi tiết, xin vui lòng nhấn vào [đây](#).

Điểm tin & Nhận định nhanh

- BMP: 17/11 là ngày giao dịch không hưởng quyền cho đợt chi trả cổ tức tiền mặt đầu tiên năm 2025, trị giá 6.500 đồng/cp
- VRE công bố chuyển nhượng 99,99% cổ phần tại Công ty TNHH Bất động sản Vincom NCT
- DCM: LNST gần như tăng gấp ba trong quý 3 nhờ mảng urê tăng mạnh - Báo cáo KQKD
- DGW: Doanh thu tăng trưởng ở tất cả mảng kinh doanh, ngoại trừ mảng điện thoại di động; thấp hơn kỳ vọng - Báo cáo KQKD
- DHC: LNST sau lợi ích CBTS tăng 29% YoY nhờ giá giấy tăng mạnh, tiềm năng điều chỉnh tăng dự báo - Báo cáo KQKD
- DPM: LNST tăng gấp 3,8 lần YoY nhờ sự gia tăng của giá bán trung bình và sự sụt giảm của chi phí khí đầu vào - Báo cáo KQKD
- NVL: Lợi nhuận từ HĐKD và lỗ ròng quý 3 nhìn chung phù hợp với kỳ vọng; đẩy mạnh thi công sẽ hỗ trợ bàn giao BĐS trong quý 4 - Báo cáo KQKD
- PNJ: Doanh thu bán lẻ quý 3/2025 tăng 4% YoY, trong khi LNST tăng mạnh 130% YoY từ mức nền thấp; vượt kỳ vọng - Báo cáo KQKD
- QNS: Mảng sữa đậu nành tiếp tục ghi nhận KQKD khả quan trong khi mảng đường giảm từ mức nền cao - Báo cáo KQKD
- DPG: Cổ đông thông qua phương án tăng vốn điều lệ bằng hình thức phát hành riêng lẻ - Báo cáo ĐHCĐ bất thường

Tóm tắt các báo cáo trong ngày

- VEA: Lợi nhuận từ các công ty liên kết chịu áp lực bởi các yếu tố bất lợi sắp tới của thị trường - Cập nhật

Điểm tin & Nhận định nhanh

BMP: 17/11 là ngày giao dịch không hưởng quyền cho đợt chi trả cổ tức tiền mặt đầu tiên năm 2025, trị giá 6.500 đồng/cp

* CTCP Nhựa Bình Minh (BMP) công bố đợt chi trả cổ tức tiền mặt đầu tiên cho năm 2025 với mức 6.500 đồng/cổ phiếu (tương đương suất cổ tức 3,9%). Ngày giao dịch không hưởng quyền là 17/11/2025 và ngày thanh toán dự kiến là 08/12/2025.

* Cho cả năm 2025, chúng tôi dự báo BMP sẽ chi cổ tức tiền mặt 14.500 đồng/cổ phiếu. Suất cổ tức 12 tháng tới tương ứng khoảng 8,8% tại mức giá hiện tại 166.000 đồng/cổ phiếu. Chúng tôi lưu ý rằng con số này có thể còn dư địa tăng do kết quả 9T 2025 tốt hơn kỳ vọng.

VRE công bố chuyển nhượng 99,99% cổ phần tại Công ty TNHH Bất động sản Vincom NCT

* Theo Nghị quyết của HĐQT ngày 28/10, CTCP Vincom Retail (VRE) công bố chuyển nhượng 99,99% cổ phần tại Công ty TNHH Bất động sản Vincom NCT, pháp nhân sở hữu Vincom Center Nguyễn Chí Thanh (Hà Nội; khai trương năm 2015), với thông tin chính như sau:

- Bên nhận chuyển nhượng: Công ty TNHH Thương mại Đầu tư và Dịch vụ Bảo Quân. Bên nhận chuyển nhượng là một pháp nhân độc lập không có mối quan hệ sở hữu nào với Vingroup hoặc bất kỳ công ty con/công ty liên kết nào.

- Giá trị chuyển nhượng: 3,63 nghìn tỷ đồng.

- Thời gian thực hiện: dự kiến trong tháng 10/2025.

* Theo ban lãnh đạo, lợi nhuận từ việc thoái vốn dự kiến sẽ được ghi nhận trong quý 4/2025, mặc dù giá trị lợi nhuận chưa được công bố.

* Nhận định của chúng tôi: Chúng tôi nhận thấy kế hoạch thoái vốn này nhìn chung phù hợp với thông tin chia sẻ trước đây của ban lãnh đạo cho rằng VRE có thể xem xét cơ hội thoái vốn có chọn lọc đối với các trung tâm thương mại đã ổn định hoặc hoạt động kém hiệu quả hơn. Chúng tôi thấy có tiềm năng điều chỉnh tăng dự báo LNST sau lợi ích CĐT năm 2025F của chúng tôi cho VRE (4,5 nghìn tỷ đồng; +10% YoY) do chúng tôi chưa đưa khoản lãi thoái vốn tiềm năng này vào dự báo, dù cần thêm đánh giá chi tiết.

DCM: LNST gần như tăng gấp ba trong quý 3 nhờ mảng urê tăng mạnh - Báo cáo KQKD

Chúng tôi nhận thấy không có thay đổi nào đáng kể đối với dự báo LNST sau lợi ích CĐT năm 2025 của chúng tôi (2,0 nghìn tỷ đồng, +44% YoY), do thu nhập tài chính cao hơn kỳ vọng có thể bù đắp cho giá bán trung bình (ASP) thấp nhẹ so với dự kiến, trong khi sản lượng bán urê phù hợp với dự báo của chúng tôi, dù cần thêm đánh giá chi tiết. Hiện chúng tôi duy trì khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu CTCP Phân bón Dầu khí Cà Mau (DCM), với giá mục tiêu 46.600 đồng/CP.

KQKD quý 3/2025: Doanh thu đạt 3 nghìn tỷ đồng (+13% YoY), LNST sau lợi ích CĐT đạt 328 tỷ đồng (tăng 2,7 lần YoY, giảm 58% QoQ).

* Tăng trưởng doanh thu chủ yếu đến từ (1) doanh thu urê tăng +14% YoY (chủ yếu nhờ ASP tăng +14% YoY), và (2) doanh thu thương mại tăng +40% YoY.

* LNST sau lợi ích CĐT tăng mạnh chủ yếu nhờ lợi nhuận gộp mảng urê tăng gấp 2,5 lần YoY, đạt 537 tỷ đồng, được thúc đẩy bởi ASP tăng và giá khí đầu vào giảm.

* Chúng tôi cho rằng LNST giảm so với quý 2 chủ yếu do sản lượng bán giảm 44% QoQ theo yếu tố mùa vụ.

KQKD 9T 2025: Doanh thu đạt 12,4 nghìn tỷ đồng (+35% YoY, hoàn thành 80% dự báo cho năm 2025 của chúng tôi), LNST sau lợi ích CĐT báo cáo đạt 1,5 nghìn tỷ đồng (+45% YoY, hoàn thành 75% dự báo cho năm 2025 của chúng tôi) và LNST cốt lõi sau lợi ích CĐT đạt 1,5 nghìn tỷ đồng (+69% YoY, hoàn thành 75% dự báo cho năm 2025 của chúng tôi).

* LNST cốt lõi và báo cáo tăng mạnh YoY chủ yếu nhờ (1) Lợi nhuận gộp mảng urê tăng +58% YoY, nhờ doanh thu tăng +12% YoY khi ASP tăng, và biên lợi nhuận gộp tăng lên 36,7% (+10,7 điểm % YoY); (2) lợi nhuận gộp mảng NPK tăng +71% YoY, nhờ doanh số NPK tăng +50% (chủ yếu do mở rộng thị phần) và biên lợi nhuận gộp tăng gấp đôi YoY, đạt 15,1%.

* Không ghi nhận lợi nhuận bất thường trong 9T 2025, trong khi cùng kỳ năm trước ghi nhận 176 tỷ đồng lợi nhuận từ việc đánh giá lại thương vụ mua lại KVF (công ty sản xuất NPK). [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

DGW: Doanh thu tăng trưởng ở tất cả mảng kinh doanh, ngoại trừ mảng điện thoại di động; thấp hơn kỳ vọng - Báo cáo KQKD

* KQKD 9 tháng đầu năm 2025 (9T 2025): Doanh thu thuần đạt 18,6 nghìn tỷ đồng (+15% YoY) và LNST sau lợi ích CĐTS đạt 388 tỷ đồng (+28% YoY), lần lượt hoàn thành 74% và 72% dự báo cả năm của chúng tôi. Những kết quả này thấp hơn kỳ vọng của chúng tôi, do đó, chúng tôi nhận thấy rủi ro điều chỉnh giảm đối với dự báo năm 2025 của chúng tôi cho DGW, dù cần thêm đánh giá chi tiết.

* KQKD quý 3/2025:

- Doanh thu thuần tăng 19% YoY, được thúc đẩy bởi tăng trưởng mạnh của mảng laptop, thiết bị văn phòng và thiết bị gia dụng. Doanh thu laptop (43% doanh thu quý 3) tăng 30% YoY, được thúc đẩy bởi nhu cầu mùa tựu trường mạnh mẽ, sự quan tâm ngày càng tăng đối với laptop tích hợp AI, và việc nâng cấp lên dòng laptop tương thích với Windows 11. Doanh thu thiết bị văn phòng (22% doanh thu) tăng 43% YoY, chủ yếu dẫn dắt bởi tăng trưởng mạnh mẽ của doanh thu máy chủ (+58% YoY) và thiết bị IoT (+44% YoY). Doanh thu thiết bị gia dụng (6% doanh thu) tăng gần gấp đôi (+94% YoY) với sự đóng góp của các thương hiệu mới (bao gồm Philips, Funiki và Cuckoo). Hàng tiêu dùng (3% doanh thu) tăng nhẹ 3% YoY, được thúc đẩy bởi doanh thu đồ uống bù đắp cho mức giảm của doanh thu dược phẩm. Ngược lại, doanh thu điện thoại di động (26% doanh thu) giảm 12% YoY do cạnh tranh gia tăng trong phân khúc dưới 10 triệu đồng, điều này đã ảnh hưởng tiêu cực đến doanh thu điện thoại Xiaomi.

- Biên lợi nhuận gộp thu hẹp 90 điểm cơ bản YoY xuống 8,8% trong quý 3/2025. Tuy nhiên, chi phí marketing và khuyến mãi thấp hơn đã hỗ trợ biên lợi nhuận từ HĐKD tăng 80 điểm cơ bản YoY lên 2,5% trong quý 3/2025. Biên lợi nhuận ròng cải thiện 30 điểm cơ bản YoY lên 2,3% trong quý 3/2025. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

DHC: LNST sau lợi ích CĐTS tăng 29% YoY nhờ giá giấy tăng mạnh, tiềm năng điều chỉnh tăng dự báo - Báo cáo KQKD

* Kết quả trong 9T 2025 cao hơn nhẹ so với kỳ vọng, tiềm năng điều chỉnh tăng dự báo: CTCP Đông Hải Bến Tre (DHC) báo cáo kết quả doanh thu trong 9T 2025 đạt 2,6 nghìn tỷ đồng (-3% YoY; hoàn thành 77% dự báo cả năm của chúng tôi) và LNST sau lợi ích CĐTS đạt 258 tỷ đồng (+34% YoY; hoàn thành 80% dự báo cả năm của chúng tôi). Kết quả vượt kỳ vọng chủ yếu là do giá giấy phục hồi mạnh hơn dự kiến. Chúng tôi nhận thấy tiềm năng điều chỉnh tăng cho dự báo hiện tại, dù cần thêm đánh giá chi tiết.

* KQKD trong quý 3/2025 vững chắc với biên lợi nhuận gộp cải thiện: DHC ghi nhận doanh thu đạt 932 tỷ đồng (+4% YoY; +6% QoQ) và LNST sau lợi ích CĐTS đạt 100 tỷ đồng (+29% YoY; +20% QoQ). Biên lợi nhuận gộp tiếp tục cải thiện lên mức 15,7% (+3,0 điểm % YoY; +48 điểm cơ bản QoQ), nhờ ASP tăng trong khi chi phí OCC đầu vào ổn định.

* Mảng giấy: giá bán tăng mạnh hỗ trợ mở rộng biên lợi nhuận gộp

+ ASP tăng 11% QoQ lên mức 9.995 đồng/kg (+7% YoY) trong quý 3/2025, nhờ (1) nguồn cung trong nước sụt giảm sau khi cụm làng nghề truyền thống Phong Khê (Miền Bắc) đóng cửa từ quý 2 và (2) tiêu thụ trong nước và xuất khẩu cải thiện. Ban lãnh đạo kỳ vọng giá bán sẽ tiếp tục tăng trong quý 4 trong bối cảnh thị trường thuận lợi.

+ Giá OCC đầu vào cho hoạt động sản xuất quý 3 duy trì ổn định, với OCC Châu Âu (chiếm khoảng 50% tổng đầu vào) neo ở mức 160-165 USD/tấn.

+ Sản lượng bán duy trì ổn định ở mức 75 nghìn tấn (-2% YoY; -1% QoQ), tiếp tục hoạt động với công suất tối đa kể từ năm 2020. Sản lượng trong 9T đạt 225 nghìn tấn (-3% YoY; hoàn thành 75% dự báo cả năm của chúng tôi).

* Màng thùng carton: ASP đi ngang QoQ do ở vị trí hạ nguồn hơn trong chuỗi giá trị, dự kiến cải thiện dần trong thời gian tới

+ ASP đi ngang QoQ ở mức 8.142 đồng (-5% YoY) trong quý 3/2025. Chúng tôi kỳ vọng ASP sẽ dần cải thiện, theo đà tăng của giá giấy trong các quý gần đây.

+ Sản lượng bán giảm QoQ xuống 22.770 nghìn thùng (+14% YoY; -8% QoQ) trong quý 3/2025, tương ứng với hiệu suất hoạt động đạt 84% (so với 74% trong quý 3/2024 và 92% trong quý 2/2025). Sản lượng trong 9T đạt 66.621 nghìn thùng (+17% YoY; hoàn thành 74% dự báo cả năm của chúng tôi).

* Dự án Giao Long 3 (GL3): Ban lãnh đạo kỳ vọng bắt đầu thi công trong quý 4/2025, với mục tiêu vận hành thương mại vào quý 2/2027. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

DPM: LNST tăng gấp 3,8 lần YoY nhờ sự gia tăng của giá bán trung bình và sự sụt giảm của chi phí khí đầu vào - Báo cáo KQKD

* Chúng tôi nhận thấy không có sự thay đổi đáng kể đối với dự báo LNST sau lợi ích CĐTS năm 2025 của chúng tôi (1,1 nghìn tỷ đồng, gấp 2 lần YoY) do mức sản lượng cao hơn kỳ vọng có thể bù đắp mức chi phí thuê ngoài cao hơn dự kiến, dù cần thêm đánh giá chi tiết. Hiện tại, chúng tôi có khuyến nghị KHẢ QUAN với giá mục tiêu là 29.000 đồng/cổ phiếu cho Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí (DPM).

* Quý 3/2025: Doanh thu đạt 3,7 nghìn tỷ đồng (+21% YoY) và LNST sau lợi ích CĐTS đạt 236 tỷ đồng (gấp 3,8 lần YoY).

- Mức tăng trưởng của doanh thu được thúc đẩy bởi (1) mức tăng +17% của doanh thu màng urê (giá bán trung bình ước tính tăng +17% YoY) và (2) mức tăng gấp 2,8 lần YoY của hàng nhập khẩu.

- LNST sau lợi ích CĐTS tăng mạnh nhờ (1) đà tăng trưởng của doanh thu và (2) biên lợi nhuận gộp tăng mạnh lên mức 19,3% (+7,6 điểm %, được thúc đẩy bởi sự gia tăng của giá urê, sự sụt giảm của giá khí và khoản khấu trừ thuế GTGT). Chúng tôi ước tính lợi nhuận gộp màng urê sẽ tăng gấp 2,3 lần YoY trong quý 3.

* 9T 2025: Doanh thu đạt 13,2 nghìn tỷ đồng (+27% YoY, hoàn thành 82% dự báo năm 2025 của chúng tôi) và LNST sau lợi ích CĐTS đạt 844 tỷ đồng (+51% YoY, hoàn thành 78% dự báo năm 2025 của chúng tôi).

- Tăng trưởng doanh thu: +10% YoY ở màng urê (chủ yếu nhờ mức tăng của giá bán trung bình); +8% YoY ở màng NPK-NH₃-hóa chất (do sản lượng NPK tăng +27% YoY); và hàng nhập khẩu tăng 2,6 lần YoY.

- Biên lợi nhuận gộp tổng hợp tăng lên mức 17,3% (+2,7 điểm % YoY), chủ yếu nhờ (1) sự gia tăng của biên lợi nhuận màng urê do giá bán trung bình tăng, giá khí giảm và khoản khấu trừ thuế GTGT, cùng với (2) mức hiệu suất hoạt động cao hơn của nhà máy NPK. Tuy nhiên, biên lợi nhuận gộp tổng hợp vẫn đạt mức thấp hơn so với dự báo năm 2025 của chúng tôi là 19,1%, do chi phí thuê ngoài cao hơn dự kiến.

- Mức tăng YoY của LNST sau lợi ích CĐTS chủ yếu được thúc đẩy bởi mức tăng mạnh ước tính 65% YoY của lợi nhuận gộp màng urê. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

NVL: Lợi nhuận từ HĐKD và lỗ ròng quý 3 nhìn chung phù hợp với kỳ vọng; đẩy mạnh thi công sẽ hỗ trợ bàn giao BĐS trong quý 4 - Báo cáo KQKD

* Trong quý 3/2025, CTCP Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va (NVL) đã đẩy mạnh hoạt động thi công tại các dự án trọng điểm sau khi đạt được một số tiến triển pháp lý quan trọng trong tháng 6/2025 và tiếp tục triển khai cấp sổ hồng cho các dự án đã hoàn thành tại TP. HCM.

- Aqua City (Đồng Nai): Triển khai thi công song song tại các phân khu Ever Green 2, River Park 2, Sun Harbor 2 và Đảo Phương Hoàng, cùng với các hạng mục tiện ích như Nova Mall và Kid Zone.

- NovaWorld Phan Thiet (Lâm Đồng, Bình Thuận): Tiếp tục triển khai thi công tại phân khu Floria 3.6.

- NovaWorld Ho Tram (TP. HCM, BRVT): Đẩy mạnh thi công các hạng mục tiện ích bao gồm Garden Club, Activities Zone Park và công viên Kid Zone tại phân kỳ Habana Island.

- Trong 9T 2025, công ty đã cấp 1.935 sổ hồng cho các dự án, chủ yếu tại Sunrise Riverside với gần 550 sản phẩm đã hoàn tất thủ tục.

* Trong quý 3/2025, NVL ghi nhận 1,7 nghìn tỷ đồng doanh thu (-13% QoQ và -16% YoY). Lợi nhuận từ HĐKD đạt 150 tỷ đồng, tiếp tục duy trì mức dương trong quý thứ 5 liên tiếp, kể từ quý 3/2024. Trong khi đó, lỗ ròng (sau lợi ích CĐTTS) tăng lên 878 tỷ đồng trong quý 3/2025, từ mức lỗ ròng 161 tỷ đồng trong quý 2/2025, chủ yếu do chi phí tài chính tăng từ chi phí lãi từ hợp đồng hợp tác đầu tư và chi phí thuế tăng. Kết quả này so với LNST sau lợi ích CĐTTS quý 3/2024 là 3,12 nghìn tỷ đồng do không có ghi nhận thu nhập tài chính bất thường như đã ghi nhận trong cùng kỳ năm trước.

* Trong 9T 2025, NVL ghi nhận 5,4 nghìn tỷ đồng doanh thu (+26% YoY), được dẫn dắt bởi việc bàn giao 720 sản phẩm, chủ yếu tại dự án Aqua City và NovaWorld Phan Thiết. Công ty báo cáo lỗ ròng 1,5 nghìn tỷ đồng, so với mức lỗ ròng 4,1 nghìn tỷ đồng trong 9T 2024 (do trích lập dự phòng và điều chỉnh giảm LNST theo yêu cầu của kiểm toán dựa trên quan điểm thận trọng trong nửa đầu năm 2024).

* Chúng tôi nhận thấy không có thay đổi đáng kể trong dự báo hiện tại đối với lỗ ròng năm 2025 của chúng tôi (dù cần thêm đánh giá chi tiết), khi tiến độ bàn giao BĐS dự kiến sẽ tăng tốc từ quý 4/2025 nhờ hoạt động thi công được đẩy mạnh.

* Tỷ lệ nợ vay ròng/vốn chủ sở hữu đạt 118,9% trong cuối quý 3/2025, so với 110,6% trong cuối quý 2/2025 và 120,4% trong cuối năm 2024. Tính đến cuối quý 3/2025, tổng dư nợ vay của NVL tăng 4,4% so với cuối năm 2024, đạt 64,3 nghìn tỷ đồng, trong đó số dư trái phiếu doanh nghiệp giảm 21% kể từ đầu năm, xuống mức 29,5 nghìn tỷ đồng, trong khi khoản vay ngân hàng và nợ vay khác tăng 42% kể từ đầu năm, lên 34,8 nghìn tỷ đồng. Tổng nợ vay sẽ đáo hạn trong 12 tháng tới là 31,9 nghìn tỷ đồng, trong đó trái phiếu doanh nghiệp chiếm 16,1 nghìn tỷ đồng. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

PNJ: Doanh thu bán lẻ quý 3/2025 tăng 4% YoY, trong khi LNST tăng mạnh 130% YoY từ mức nền thấp; vượt kỳ vọng - Báo cáo KQKD

* KQKD 9 tháng đầu năm 2025 (9T 2025): Doanh thu thuần đạt 25,4 nghìn tỷ đồng (-13% YoY) và LNST đạt 1.610 tỷ đồng (+17% YoY), lần lượt hoàn thành 74% và 80% dự báo cả năm của chúng tôi. Do LNST 9T 2025 vượt dự báo, nên chúng tôi nhận thấy khả năng điều chỉnh tăng đối với dự báo năm 2025 của chúng tôi, dù cần thêm đánh giá chi tiết.

* KQKD quý 3/2025: Doanh thu thuần đạt 8,1 nghìn tỷ đồng (+14% YoY) và LNST đạt 496 tỷ đồng (+130% YoY). Chúng tôi cho rằng mức tăng trưởng mạnh mẽ của LNST chủ yếu đến từ sự cải thiện đáng kể của biên lợi nhuận gộp mảng bán lẻ từ mức nền thấp của quý 3/2024, ước tính tăng khoảng 6 điểm % YoY trong quý 3/2025.

* KQKD từng mảng trong 9T 2025:

- Mảng bán lẻ (chiếm 66% tổng doanh thu) tăng 5% YoY trong 9T 2025 trong bối cảnh chỉ tiêu tiêu dùng đối với trang sức còn yếu. Trong quý 3/2025, doanh thu bán lẻ tăng trưởng ở mức 4% YoY.

- Bán sỉ (chiếm 12% tổng doanh thu) tăng 5% YoY trong 9T 2025 do các cửa hàng nhỏ lẻ tăng cường nhập hàng từ PNJ để đảm bảo nguồn gốc chính hãng. Tuy nhiên, đà tăng trưởng bán sỉ đã

chậm lại trong quý 3/2025 (giảm 12% YoY) do một số cửa hàng nhỏ lẻ đã thu hẹp quy mô kinh doanh.

- Vàng miếng (chiếm 22% tổng doanh thu) giảm 44% YoY trong 9T 2025, chủ yếu do mức giảm mạnh 60% YoY ghi nhận trong nửa đầu năm 2025. Tuy nhiên, doanh thu vàng miếng đã tăng mạnh 83% YoY trong quý 3/2025 từ mức nền thấp của quý 3/2024 khi ngân hàng nhà nước bắt đầu áp dụng các biện pháp nhằm giám sát chặt chẽ thị trường vàng.

* Tỷ suất lợi nhuận: Biên lợi nhuận gộp tăng 2,2 điểm % YoY lên mức 19,8% trong quý 3/2025, chủ yếu nhờ biên lợi nhuận mảng bán lẻ cải thiện. Chúng tôi ước tính biên lợi nhuận gộp mảng bán lẻ tăng khoảng 6 điểm % YoY từ mức nền thấp của quý 3/2024, với nguyên nhân chủ yếu là PNJ ghi nhận trang sức tái chế có giá vốn thấp trong quý 3/2025. Ngoài ra, tỷ lệ chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp (SG&A)/doanh thu bán lẻ đã tăng nhẹ 0,2 điểm % YoY lên mức 19,0% trong quý 3/2025. Biên lợi nhuận ròng cũng tăng 3,1 điểm % YoY lên 6,1% trong quý 3/2025, nhờ sự cải thiện của biên lợi nhuận gộp.

* Hoạt động mở rộng chuỗi cửa hàng: Tổng số cửa hàng của PNJ giữ nguyên ở mức 429 cửa hàng vào cuối tháng 9/2025 so với cuối năm 2024.

* Chúng tôi hiện có khuyến nghị MUA đối với PNJ với giá mục tiêu là 105.900 đồng/cổ phiếu. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

QNS: Mảng sữa đậu nành tiếp tục ghi nhận KQKD khả quan trong khi mảng đường giảm từ mức nền cao - Báo cáo KQKD

* CTCP Đường Quảng Ngãi (QNS) đã công bố KQKD quý 3/2025 với doanh thu đạt 2,7 nghìn tỷ đồng (-9% QoQ; -2% YoY) và LNST sau lợi ích CĐTS đạt 381 tỷ đồng (-30% QoQ; -28% YoY). KQKD 9 tháng đầu năm 2025 (9T 2025) lần lượt hoàn thành 77% và 62% dự báo cả năm của chúng tôi. Do kết quả thấp hơn kỳ vọng, đặc biệt ở mục lợi nhuận ròng, nên chúng tôi nhận thấy rủi ro điều chỉnh giảm đối với các dự báo hiện tại của chúng tôi, dù cần thêm đánh giá chi tiết.

* Sữa đậu nành: Doanh thu quý 3/2025 tăng 5% nhờ mức giá bán trung bình cao hơn; mức giá bán trung bình này được hỗ trợ bởi danh mục sản phẩm đa dạng và cao cấp hơn của công ty. Sản lượng quý 3/2025 đi ngang so với quý trước. Tuy nhiên, mức sản lượng đi ngang YoY trong quý 3/2025 cho thấy sự chậm lại so với mức tăng trưởng 7% YoY ghi nhận trong nửa đầu năm 2025. Biên lợi nhuận gộp quý 3/2025 cũng giảm nhẹ so với quý trước, đạt 43,3% (thấp hơn so với mức 44,8% ghi nhận trong quý 2/2025), nhưng vẫn duy trì ở mức cao so với cùng kỳ năm trước, mà chúng tôi cho rằng nguyên nhân là nhờ hoạt động quản lý chi phí hiệu quả và sự sụt giảm của giá nguyên liệu đầu vào.

* Đường: Ban lãnh đạo cho biết dù sản lượng sản xuất của QNS tăng, nhưng doanh thu quý 3/2025 vẫn giảm 9%, do nhu cầu yếu, kết hợp với việc phải cạnh tranh với đường nhập lậu và đường nhập khẩu. So với cùng kỳ quý trước, lợi nhuận gộp của mảng đường đã giảm 11% và biên lợi nhuận gộp đã giảm 2,3 điểm % xuống còn 20,1%.

* Các mảng kinh doanh khác ghi nhận tổng lợi nhuận gộp giảm 24% QoQ trong quý 3/2025. QNS báo cáo sản lượng bán ở các mảng này đã giảm từ 1-15% trong giai đoạn 9T 2025. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

DPG: Cổ đông thông qua phương án tăng vốn điều lệ bằng hình thức phát hành riêng lẻ - Báo cáo ĐHCĐ bất thường

* Chúng tôi đã tham dự ĐHCĐ bất thường của CTCP Tập đoàn Đạt Phương (DPG) vào ngày 28/10/2025, tại đó cổ đông đã thông qua kế hoạch tăng vốn điều lệ bằng hình thức phát hành riêng lẻ. Kế hoạch được thông qua này cho phép công ty phát hành tối đa 17,8 triệu cổ phiếu, tương đương 17,6% tổng số cổ phiếu đang lưu hành, và có thể sẽ được dành cho các nhà đầu tư

chuyên nghiệp nước ngoài nhằm nâng cao uy tín. Giá chào bán tối thiểu được đặt ở mức 30.300 đồng/cổ phiếu, tương đương 1,5 lần giá trị sổ sách và thấp hơn khoảng 30% so với giá đóng cửa ngày 28/10. Nhìn chung, chúng tôi nhận thấy không có thay đổi đáng kể nào đối với dự báo LNST năm 2025 của chúng tôi, đồng thời có khả năng sẽ điều chỉnh tăng nhẹ đối với dự báo LNST giai đoạn 2028–2030 nhờ dự án biệt thự sân golf Bình Dương, dù cần thêm đánh giá chi tiết.

* Mục đích sử dụng vốn huy động (tối thiểu 540 tỷ đồng) dự kiến sẽ giữ nguyên như sau:

- 48% (~260 tỷ đồng): Dự án Khu nghỉ dưỡng tích hợp Bình Dương. DPG kỳ vọng dự án này sẽ bắt đầu ghi nhận doanh thu và lợi nhuận từ năm 2027, sớm hơn dự báo của chúng tôi (2029).

- 18% (~97 tỷ đồng): Dự án kính năng lượng mặt trời PV. DPG trích dẫn dự báo của Mordor Intelligence rằng nhu cầu toàn cầu sẽ tăng trưởng 13% mỗi năm trong giai đoạn 2025–2030. Tổng vốn đầu tư XDCCB được điều chỉnh tăng từ mức 2 nghìn tỷ đồng lên 2,2 nghìn tỷ đồng, thấp hơn giá định của chúng tôi là 2,5 nghìn tỷ đồng.

- 34% (~183 tỷ đồng): Bổ sung vốn lưu động và trang thiết bị cho mảng xây dựng. DPG kỳ vọng doanh thu của mảng này tăng trưởng ở mức 20–25%/năm, cao hơn dự báo của chúng tôi là tăng trưởng trung bình ở mức 10–15%.

* Ban lãnh đạo tự tin rằng LNST cả năm 2025 sẽ vượt kế hoạch 10–15%, nhờ được hỗ trợ bởi mức tăng mạnh của sản lượng điện thương phẩm thủy điện. Mức kết quả dự kiến này tương đương 96% dự báo LNST năm 2025 của chúng tôi. Hiện chúng tôi dự báo LNST sau lợi ích CBTS năm 2025 sẽ đạt 341 tỷ đồng (+52% YoY).

* Dự án Casamia Balanca: Ban lãnh đạo chia sẻ rằng DPG đã hoàn tất toàn bộ nghĩa vụ thanh toán tiền sử dụng đất, với kế hoạch sẽ ghi nhận doanh thu từ dự án này trong giai đoạn 2026–2027, và ghi nhận một phần nhỏ trong năm 2025. Tiến độ này nhìn chung vẫn phù hợp với dự báo hiện tại của chúng tôi. Ban lãnh đạo cũng cho biết phần đất được quy hoạch cho dự án khách sạn sẽ được chuyển giao cho công ty con khác (Thủy điện Sông Bung 6).

* Dự án Khu nghỉ dưỡng tích hợp Bình Dương: Ban lãnh đạo cho biết công ty kỳ vọng sẽ hoàn tất việc điều chỉnh chính sách đầu tư và các thủ tục pháp lý liên quan trong năm 2025. Họ cũng nhấn mạnh sự phục hồi mạnh mẽ của thị trường du lịch tại Đà Nẵng và Hội An, nơi tỷ lệ lấp đầy khách sạn đã tăng lên mức rất cao, qua đó phản ánh sự phục hồi mạnh mẽ của nhu cầu du lịch.

* Dự án kính năng lượng mặt trời PV: Ban lãnh đạo tin tưởng rằng sẽ có nhu cầu mạnh mẽ đối với sản phẩm ngay khi nhà máy đi vào hoạt động và tự tin rằng công suất sẽ được khai thác tối đa. DPG đã làm việc với một số đối tác quốc tế, đặc biệt là từ Hoa Kỳ, những người bày tỏ sự quan tâm mạnh mẽ đến việc mua hàng từ DPG khi họ tìm cách đa dạng hóa chuỗi cung ứng ra khỏi Trung Quốc do căng thẳng thương mại Mỹ–Trung vẫn đang tiếp diễn. DPG kỳ vọng mức thuế nhập khẩu của Mỹ đối với kính năng lượng mặt trời Trung Quốc vẫn sẽ duy trì ở mức cao ngay cả sau nhiệm kỳ của Tổng thống Trump. Công ty cũng tự tin vào khả năng xuất khẩu sang EU, viện dẫn lợi thế chi phí sản xuất cạnh tranh sau khi tính đến chi phí vận chuyển và logistics.

* Công ty dự kiến sẽ khởi động lò nung và bắt đầu sản xuất vào tháng 5/2026, với công suất vận hành tối đa ngay từ đầu, đồng thời biên lợi nhuận gộp ước tính sẽ đạt khoảng 25–30%, và doanh thu khoảng 1,0 nghìn tỷ đồng mỗi năm, nhìn chung phù hợp với dự báo của chúng tôi. Ngoài ra, trong giai đoạn đầu năm 2026, công ty có kế hoạch sẽ sản xuất kính trang trí nội thất, như một giai đoạn chuyển tiếp trong lúc kính năng lượng mặt trời đang được kiểm định và chứng nhận bởi các nhà sản xuất tấm pin mặt trời ở hạ nguồn. [Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết tại Vietcap IQ.](#)

Tóm tắt các báo cáo trong ngày

VEA: Lợi nhuận từ các công ty liên kết chịu áp lực bởi các yếu tố bất lợi sắp tới của thị trường - Cập nhật

Ngành	Ôtô		2024	2025F	2026F	2027F
Ngày báo cáo	28/10/2025	TT Doanh thu	7,8%	5,0%	5,0%	5,0%
Giá hiện tại	39.500 VND	LN từ TT CTLK	19,3%	5,6%	-7,5%	-3,8%
Giá mục tiêu	30.800 VND	TT EPS	19,2%	4,5%	-7,0%	-3,2%
Giá mục tiêu gần nhất	42.200 VND	Biên LN ròng	179,4%	178,4%	158,3%	145,8%
TL tăng	-22,0%	EV/EBITDA	5,0x	4,8x	5,0x	5,2x
Lợi suất cổ tức	+12,2%	P/E	7,2x	6,9x	7,4x	7,6x
Tổng mức sinh lời	-9,8%	P/B	2,0x	1,9x	1,8x	1,9x
GT vốn hóa	52 nghìn tỷ đồng			VEA	VNI	
Room KN	26 nghìn tỷ đồng	P/E (trượt)		6,8x	15,8x	
GTGD/ngày (30n)	13 tỷ đồng	P/B (hiện tại)		1,8x	2,0x	
Cổ phần Nhà nước	88,5%	ROE		24,6%	13,3%	
SL cổ phiếu lưu hành	1.328,8tr	ROA		23,0%	2,0%	
Pha loãng	1.328,8tr					

* Chúng tôi tiếp tục duy trì khuyến nghị PHÙ HỢP THỊ TRƯỜNG và điều chỉnh giảm 27% giá mục tiêu xuống mức 30.800 đồng/cổ phiếu đối với Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam (VEA). Chúng tôi điều chỉnh giảm 14% dự báo LNST sau lợi ích CĐTTS giai đoạn 2025-29 (với các mức thay đổi lần lượt là +5%/0%/-14%/-24%/-29% cho các năm 2025/26/27/28/29).

* Chúng tôi dự báo tốc độ tăng trưởng kép (CAGR) của doanh số bán xe du lịch và xe máy sử dụng động cơ đốt trong (ICE) tại Việt Nam trong giai đoạn 2025F-29F sẽ lần lượt ở mức 2%/-9%, đồng thời chúng tôi cũng cập nhật thời gian định giá sang cuối năm 2026 và giảm giá định tăng trưởng cuối từ 5% xuống 1,5%, từ đó phản ánh các thách thức sắp tới từ chính sách chuyển đổi xanh chặt chẽ hơn và sự cạnh tranh ngày càng gay gắt từ xe điện (EV) do VinFast dẫn đầu.

* VEA hiện đang giao dịch ở mức P/E trượt 6,8x, thấp hơn mức trung bình 10 năm của công ty là 8,6x, đồng thời, mức chi trả cổ tức của công ty cũng ở khá hấp dẫn. Mức giá mục tiêu mà chúng tôi đưa ra cho VEA tương ứng với mức P/E dự phóng các năm 2025/26 lần lượt là 5,4x/5,8x, và lợi suất cổ tức năm tài chính 2024 là 12,2%, dự kiến sẽ được chi trả trong năm 2025.

* Yếu tố hỗ trợ/rủi ro: Đà phục hồi tiêu dùng mạnh hơn dự kiến; quy định về chuyển đổi xanh đối với ngành xe được nới lỏng hơn/cạnh tranh gay gắt hơn trong thị trường xe 2 bánh và 4 bánh; chính sách chuyển đổi xanh sắp tới được triển khai quyết liệt hơn dự kiến.

Giá mục tiêu & Khuyến nghị - Cổ phiếu Vietcap theo dõi

Mã	Ngành	Room NN	GTVH tr USD	GTGD/ 30N trUSD	Giá hiện tại	Giá mục tiêu	Tỷ lệ tăng	Lợi suất cổ tức	Tổng mức sinh lời	Khuyến nghị	Ngày báo cáo gần nhất	P/E 2024	P/E 2025	P/E Ngành trượt 12T*	P/B trượt 12T
IDC	KCN	32%	520	4,0	36.100	56.100	55%	5,5%	61%	MUA	15/08/25	8,8	7,1	21,8	2,4
NVL	Bất động sản	42%	1.073	11,7	13.800	20.000	45%	0,0%	45%	MUA	01/10/25	-36,8	77,1	21,8	0,7
KDH	Bất động sản	14%	1.385	10,7	32.500	47.100	45%	0,0%	45%	MUA	22/08/25	38,2	32,2	21,8	2,1
SZC	KCN	18%	205	1,1	30.000	42.400	41%	3,3%	45%	KQ	01/07/25	18,6	15,3	21,8	1,7
VGC	KCN	43%	796	2,7	46.750	64.100	37%	4,7%	42%	MUA	21/10/25	19,3	13,4	17,7	2,3
NLG	Bất động sản	5%	678	6,7	36.800	51.600	40%	1,4%	42%	MUA	14/08/25	21,2	25,6	21,8	1,9
DCM	Phân bón	44%	692	4,0	34.400	46.600	35%	5,8%	41%	MUA	17/09/25	9,7	7,8	15,3	1,8
PC1	Điện & Nước	33%	303	2,9	22.300	31.100	39%	0,0%	39%	KQ	05/08/25	15,5	9,2	17,7	1,4
SIP	KCN	44%	501	0,9	54.500	73.900	36%	3,7%	39%	MUA	18/06/25	11,8	11,1	21,8	2,8
ACV	Hàng không	46%	7.265	1,4	53.400	74.300	39%	0,0%	39%	KQ	13/08/25	16,3	14,3	13,9	3,0
DGC	Công nghiệp	34%	1.340	5,2	92.900	126.000	36%	3,2%	39%	MUA	25/07/25	11,1	9,3	15,3	2,3
SAB	Đồ uống/Thực phẩm	41%	2.214	1,2	45.450	58.000	28%	11,0%	39%	MUA	10/09/25	13,5	12,8	15,8	2,7
HPG	VLXD	27%	7.651	57,5	26.250	35.300	34%	3,0%	38%	MUA	14/08/25	12,5	9,4	15,1	1,7
BMI	Bảo hiểm	19%	111	0,4	19.450	26.200	35%	2,6%	37%	MUA	12/04/24	7,9	6,8	11,6	1,0
PVS	Dầu khí	34%	563	4,6	31.000	41.600	34%	0,0%	34%	MUA	08/08/25	17,8	14,6	18,5	1,0
DXS	Bất động sản	29%	232	1,4	10.550	14.100	34%	0,0%	34%	KQ	29/08/25	14,9	12,3	21,8	1,0
ACG	Gỗ	11%	204	0,0	35.550	45.800	29%	4,8%	34%	MUA	15/07/25	9,8	8,9	15,1	1,3
GAS	Dầu khí	47%	5.434	1,3	59.300	76.100	28%	4,2%	33%	KQ	13/08/25	12,0	11,2	13,5	2,1
VPB	Ngân hàng	6%	8.527	49,7	28.300	37.000	31%	1,8%	33%	PHTT	21/08/25	11,8	9,1	11,8	1,5
SCS	DV Hàng không	14%	199	0,7	55.100	67.000	22%	10,9%	32%	KQ	29/05/25	7,6	7,4	19,4	3,4
DPG	Điện & Nước	41%	163	3,7	42.500	55.200	30%	2,4%	32%	MUA	04/09/25	12,6	5,6	17,7	2,1
TV2	Điện & Nước	5%	87	0,3	34.050	43.900	29%	2,9%	32%	MUA	18/09/25	53,8	13,5	13,9	1,8
VCB	Ngân hàng	8%	18.785	13,3	59.200	77.600	31%	0,0%	31%	MUA	25/08/25	14,7	12,5	11,8	2,3
VNM	Đồ uống/Thực phẩm	52%	4.524	10,6	57.000	70.300	23%	7,0%	30%	MUA	24/04/25	14,2	13,6	15,8	3,8
PHR	Công nghiệp	34%	273	0,4	53.000	67.400	27%	2,5%	30%	KQ	25/06/25	14,6	9,9	15,3	1,9
MSN	Bán lẻ	24%	4.310	46,9	78.500	101.200	29%	0,0%	29%	MUA	21/05/25	41,7	26,7	13,9	3,4

ACB	Ngân hàng	0%	4.877	15,4	25.000	31.200	25%	4,0%	29%	MUA	18/08/25	7,2	6,0	11,8	1,4
PPC	Điện & Nước	40%	123	0,1	10.100	12.400	23%	5,9%	29%	PHTT	02/06/25	13,9	6,1	13,5	0,7
DXG	Bất động sản	26%	782	26,3	20.200	26.000	29%	0,0%	29%	KQ	29/08/25	80,5	45,8	21,8	1,7
NT2	Điện & Nước	37%	249	1,3	22.800	27.200	19%	8,8%	28%	MUA	21/10/25	8,4	7,6	13,5	1,5
DPM	Phân bón	42%	609	4,2	23.600	29.000	23%	5,1%	28%	KQ	17/09/25	17,9	12,9	15,3	1,4
MBB	Ngân hàng	0%	7.280	35,4	23.800	30.000	26%	1,3%	27%	KQ	25/08/25	7,4	6,1	11,8	1,5
PVD	Dầu khí	43%	423	3,9	20.050	24.900	24%	2,5%	27%	KQ	11/08/25	15,6	11,7	18,5	0,7
PLC	Dầu khí	48%	80	0,4	26.000	31.900	23%	3,8%	27%	MUA	12/09/25	16,6	8,3	15,3	1,6
MWG	Bán lẻ	1%	4.548	28,6	81.000	101.000	25%	1,2%	26%	MUA	14/10/25	18,2	14,3	14,7	3,8
QTP	Điện & Nước	48%	220	0,1	12.900	15.000	16%	9,3%	26%	MUA	02/06/25	9,9	9,2	13,5	1,1
TLG	Văn phòng phẩm	85%	177	0,3	53.000	62.800	18%	6,6%	25%	MUA	12/09/25	9,7	8,5	10,8	1,9
HDG	Điện & Nước	31%	424	7,4	30.200	37.700	25%	0,0%	25%	MUA	11/09/25	15,4	9,7	21,8	1,8
PVT	Dầu khí	39%	305	2,1	17.100	21.200	24%	0,0%	24%	KQ	13/08/25	8,2	6,8	13,9	1,0
QNS	Đồ uống/Thực phẩm	41%	648	0,3	46.300	53.400	15%	8,6%	24%	KQ	30/08/24	6,7	6,6	15,8	1,7
PLX	Xăng dầu	3%	1.648	1,8	34.150	41.100	20%	3,5%	24%	MUA	13/10/25	19,0	14,8	18,5	1,7
CTG	Ngân hàng	3%	9.911	22,8	48.600	60.000	23%	0,0%	23%	MUA	18/08/25	9,9	8,3	11,8	1,6
BID	Ngân hàng	12%	9.732	5,9	36.500	44.800	23%	0,0%	23%	MUA	26/05/25	11,0	10,3	11,8	1,6
DGW	Bán lẻ	30%	328	2,3	39.050	47.400	21%	1,3%	23%	PHTT	23/07/25	16,0	12,1	14,7	2,8
FPT	CNTT	8%	6.340	40,6	98.000	116.600	19%	2,3%	21%	MUA	22/10/25	18,2	15,9	15,4	4,7
OIL	Dầu khí	1%	418	0,4	10.600	12.700	20%	0,9%	21%	KQ	17/10/25	132,5	23,4	18,5	1,0
KBC	KCN	31%	1.232	10,0	34.450	41.500	20%	0,0%	20%	MUA	11/08/25	18,2	11,3	21,8	1,4
SSI	Chứng khoán	66%	2.743	63,4	34.800	40.800	17%	2,9%	20%	KQ	27/08/25	18,1	14,0	20,6	2,3
TCB	Ngân hàng	0%	9.432	31,5	35.050	40.800	16%	2,9%	19%	KQ	11/08/25	9,8	8,2	11,8	1,5
VEA	Ô-tô	47%	1.993	0,5	39.500	42.200	7%	12,3%	19%	PHTT	20/09/24	7,5	6,9	13,9	1,8
VHC	Đồ uống/Thực phẩm	78%	471	2,4	55.300	63.500	15%	3,6%	18%	KQ	13/10/25	9,2	8,3	15,8	1,3
REE	Điện & Nước	0%	1.288	1,3	62.600	72.200	15%	1,6%	17%	PHTT	15/08/25	13,2	11,1	13,9	1,7
BVH	Bảo hiểm	22%	1.404	0,7	49.800	56.900	14%	1,8%	16%	KQ	26/05/25	14,0	11,8	11,6	1,6
PNJ	Bán lẻ	0%	1.211	3,3	93.500	105.900	13%	2,1%	15%	MUA	14/08/25	15,8	14,4	10,8	2,7
GVR	Công nghiệp	12%	4.162	2,2	27.400	31.200	14%	1,5%	15%	PHTT	04/07/25	25,5	23,0	15,3	1,9

STB	Ngân hàng	9%	3.909	23,8	54.600	62.400	14%	0,0%	14%	KQ	25/08/25	8,1	4,3	11,8	1,7
AST	DV Hàng không	5%	126	0,0	73.900	80.600	9%	4,7%	14%	MUA	26/08/25	15,3	12,9	14,7	5,8
DHC	Công nghiệp	13%	130	0,3	35.350	39.100	11%	3,1%	14%	MUA	21/08/25	10,6	9,6	15,1	1,7
BWE	Điện & Nước	39%	400	0,4	47.950	53.100	11%	2,7%	13%	KQ	11/08/25	15,8	11,2	13,5	2,0
FRT	Bán lẻ	16%	946	4,4	146.300	165.300	13%	0,0%	13%	MUA	03/09/25	35,0	21,5	14,7	8,7
VIB	Ngân hàng	0%	2.385	7,9	18.450	20.800	13%	0,0%	13%	KQ	23/05/25	7,1	6,2	11,8	1,4
HDB	Ngân hàng	1%	4.540	28,3	31.100	34.000	9%	3,2%	13%	KQ	08/09/25	6,7	5,7	11,8	1,9
CTR	CNTT	40%	395	1,4	91.000	100.400	10%	2,2%	13%	KQ	12/09/25	23,6	20,3	17,7	5,2
HVN	Hàng không	21%	3.899	1,3	33.000	37.100	12%	0,0%	12%	KQ	22/07/25	8,5	11,9	19,4	-27,3
GEX	Điện & Nước	42%	1.645	40,3	48.000	52.300	9%	1,0%	10%	PHTT	21/08/25	28,5	24,9	13,9	3,0
POW	Điện & Nước	45%	1.232	4,7	13.850	14.800	7%	0,0%	7%	KQ	02/06/25	25,9	17,4	13,5	1,0
TDM	Điện & Nước	48%	240	0,3	57.000	58.600	3%	2,5%	5%	PHTT	11/08/25	31,3	22,4	13,5	2,5
PTB	Công nghiệp	12%	132	0,6	51.800	52.000	0%	4,1%	4%	KQ	06/10/25	9,2	9,0	15,1	1,2
STK	Dệt may	83%	90	0,0	24.600	25.500	4%	0,0%	4%	KQ	17/01/25	29,6	16,6	15,3	1,4
GMD	GTVT	9%	1.077	6,8	66.500	65.700	-1%	3,3%	2%	KQ	31/07/25	20,1	20,6	13,9	2,3
BMP	VLXD	14%	519	0,8	167.000	155.400	-7%	8,7%	2%	KQ	04/09/25	11,3	11,5	17,7	4,3
TPB	Ngân hàng	7%	1.761	14,2	17.550	16.500	-6%	0,0%	-6%	MUA	27/05/25	7,0	6,4	11,8	1,2
VHM	Bất động sản	39%	16.612	35,8	106.500	98.700	-7%	0,0%	-7%	PHTT	29/08/25	12,4	11,8	21,8	2,1
HDC	Bất động sản	46%	224	8,5	33.050	30.400	-8%	0,0%	-8%	KQ	21/03/25	34,4	19,9	21,8	2,1
VRE	Bất động sản	31%	3.115	22,8	36.100	31.300	-13%	0,0%	-13%	PHTT	29/08/25	18,2	16,5	21,8	1,9
HSG	VLXD	41%	391	4,1	16.600	13.500	-19%	3,0%	-16%	PHTT	18/04/25	20,8	17,6	15,1	0,9
NKG	VLXD	45%	267	7,7	15.700	13.100	-17%	0,0%	-17%	PHTT	18/04/25	16,4	12,1	15,1	0,9
BSR	Lọc hóa dầu	49%	3.103	9,5	26.350	20.100	-24%	0,0%	-24%	BÁN	28/08/25	27,5	20,8	18,5	1,5
VJC	Hàng không	18%	3.938	19,7	175.300	114.000	-35%	0,0%	-35%	KQ	15/03/24	25,3	19,6	19,4	4,4
VTP	GTVT	43%	530	4,1	114.500	69.000	-40%	1,3%	-38%	PHTT	06/09/24	39,4	33,6	13,9	8,3
VIC	Bất động sản	40%	31.312	42,2	214.000	127.900	-40%	0,0%	-40%	PHTT	29/08/25	61,8	60,2	21,8	5,7
LPB	Ngân hàng	4%	5.888	6,2	51.900	29.800	-43%	0,0%	-43%	BÁN	18/08/25	15,3	15,0	11,8	3,6

Nguồn: Fiinpro, Vietcap (phân loại ngành của Vietcap; khuyến nghị của chuyên viên phân tích được công bố trong báo cáo cập nhật gần nhất), KQ: KHẢ QUAN, PHTT; PHÙ HỢP THỊ TRƯỜNG, KKO: KÉM KHẢ QUAN, KĐG: KHÔNG ĐÁNH GIÁ. *P/E trượt của ngành dựa trên phân loại của ICB, có thể khác với phân loại ngành của Vietcap

Thống kê Danh mục khuyến nghị của Vietcap

					Trung bình cộng					Trung bình				Lợi suất cổ tức trung bình
	# Công ty	Tổng GT vốn hóa (tr USD)	GT vốn hóa trung bình (tr USD)	# Công ty trong VN30	P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	Giá mục tiêu/ EPS 2025	P/B hiện tại	P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	P/B hiện tại	
MUA	35	89.208	2.549	12	15,8	13,3	11,1	16,8	2,0	24,7	15,1	14,2	2,3	3,1%
KHẢ QUAN	31	61.167	1.973	10	11,8	10,6	8,8	12,4	1,9	23,0	20,8	13,2	1,0	2,4%
PHÙ HỢP TT	14	70.533	5.038	4	23,6	20,7	18,5	17,6	2,6	23,8	22,6	19,1	2,5	2,3%
KÉM KHẢ QUAN	0	0	N/A	0	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A
BÁN	2	8.990	4.495	0	24,0	18,0	16,6	11,5	2,4	73,0	21,4	17,9	2,5	0,0%
TỔNG CỘNG	82	229.898	2.804	26	16,2	14,0	11,9	15,2	2,2	25,1	18,7	14,7	1,9	2,6%

					Trung bình cộng					Trung bình				Lợi suất cổ tức trung bình
	# Công ty	Tổng GT vốn hóa (tr USD)	GT vốn hóa trung bình (tr USD)	# Công ty trong VN30	P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	Giá mục tiêu/ EPS 2025	P/B hiện tại	P/E 2024	P/E 2025	P/E 2026	P/B hiện tại	
Ngân hàng	12	87.026	7.252	11	11,5	10,1	8,3	12,0	1,7	11,1	9,7	8,2	1,8	1,1%
Bảo hiểm	2	1.515	758	1	16,7	13,3	11,2	15,4	1,5	14,6	11,0	9,3	1,3	2,2%
Chứng khoán	1	2.743	2.743	1	27,9	18,1	14,0	21,3	2,3	27,9	18,1	14,0	2,3	2,9%
Tiêu dùng	13	28.105	2.162	5	18,5	16,0	13,9	19,4	3,3	24,1	17,7	14,0	3,4	4,5%
Bất động sản	9	55.413	6.157	2	35,0	26,6	24,7	20,6	3,0	41,5	27,2	33,5	2,1	0,2%
Vật liệu	4	8.829	2.207	1	17,0	12,8	9,8	16,4	1,6	15,9	15,2	12,7	2,0	3,7%
Điện & Nước	12	6.375	531	1	22,3	17,8	13,1	20,3	1,6	29,5	20,4	12,3	1,7	3,1%
Dầu khí	10	13.274	1.327	2	19,1	15,4	12,9	17,7	1,6	33,6	27,7	13,2	1,4	2,6%
Công nghiệp	5	1.895	379	0	13,1	11,1	9,4	14,3	1,9	20,3	14,1	10,7	1,5	3,0%
Khu công nghiệp	7	7.689	1.098	1	21,9	19,0	15,1	23,4	1,9	24,6	16,7	13,0	2,1	3,0%
GTVT & Logistics	7	17.034	2.433	1	12,9	14,7	14,9	16,2	4,5	22,1	18,9	17,2	0,0	2,9%
TỔNG CỘNG	82	229.898	2.804	26	16,2	14,0	11,9	15,2	2,2	25,1	18,7	14,7	1,9	2,6%

Nguồn: Fiinpro, Vietcap

Ghi chú: P/E dự phóng dựa theo dự báo của Vietcap

Cập nhật KQKD Q3 2025 – Các cổ phiếu Vietcap theo dõi

Mã	Tăng trưởng EPS 9T/2025 so với cùng kỳ	Tăng trưởng EPS 2025F	Khuyến nghị cũ	Khuyến nghị mới	Nhận xét
Ngân hàng					
ACB	5%	8%	MUA		Chất lượng tài sản tiếp tục cải thiện; sự phục hồi của doanh số bán lẻ dự kiến sẽ thúc đẩy sự phục hồi của NIM
BID		3%	MUA		
CTG		18%	MUA		
HDB		26%	KQ		
LPB	9%	10%	BÁN		KQKD phù hợp kỳ vọng với tăng trưởng tín dụng tốt, NIM tiếp tục phục hồi, và chất lượng tài sản ổn định.
MBB	10%	13%	KQ		Doanh thu tiếp tục tăng trưởng mạnh mặc dù nợ xấu nhích tăng so với quý trước
STB		27%	MUA		
TCB	2%	17%	KQ		KQKD vững chắc trên mọi phương diện và phù hợp với kỳ vọng của chúng tôi
TPB		9%	MUA		
VCB		9%	MUA		
VIB		9%	KQ		
VPB	44%	21%	PHTT		Lợi nhuận vượt kỳ vọng của chúng tôi nhờ tăng trưởng tín dụng mạnh mẽ và đóng góp tích cực từ VPBankS.
ĐCTC phi ngân hàng					
BMI	33%	50%	MUA		Lợi nhuận quý 3 năm 2025 phục hồi nhờ cải thiện tỷ lệ kết hợp và thu nhập từ đầu tư.
BVH		23%	KQ		
SSI		13%	MUA		
Tiêu dùng					
CTR		9%	KQ		LNST sau lợi ích CĐTTS 9T 2025 tăng 19% YoY; đã phục hồi trong doanh thu ký mới mảng CNTT nước ngoài tiếp tục duy trì trong tháng 9
DGW		23%	PHTT		
FPT	19%	16%	KQ	MUA	
FRT		124%	MUA		
MSN (2)		122%	MUA		
MWG	73%	75%	MUA	MUA	Doanh số mảng điện tử tăng tốc, lợi nhuận mảng tạp hóa cải thiện
PNJ		-5%	MUA		
QNS		0%	KQ		
SAB		3%	MUA		
TLG		3%	MUA		
VEA		11%	PHTT		
VHC		21%	MUA		
VNM		6%	MUA		

GTVT & Logistics				
ACV		-14%	KQ	KQKD quý 3 vượt kỳ vọng nhờ ghi nhận thông lượng hàng hóa quốc tế và giá dịch vụ trung bình ở mức cao
AST		51%	MUA	
GMD (2)		-6%	KQ	
HVN		13%	PHTT	
SCS	8%	-1%	KQ	
VJC		6%	KQ	
VTP		15%	PHTT	
Bất động sản				
DXG		-13%	KQ	Ghi nhận phần lớn lợi nhuận từ việc chuyển nhượng cổ phần dự án Đại Dương trong quý 3
DXS		224%	KQ	
HDC	781%	145%	KQ	
NVL		N.M.	MUA	
KDH		17%	MUA	
NLG		35%	MUA	
VHM		17%	PHTT	
VIC		8%	PHTT	
VRE		10%	PHTT	
Khu công nghiệp				
GVR		8%	PHTT	KQKD quý 3 kém khả quan do ghi nhận doanh thu từ BĐS KCN và BĐS nhà ở chỉ ở mức thấp
IDC		-21%	MUA	
KBC		280%	MUA	
PHR		19%	KQ	
SIP		4%	MUA	
SZC	7%	4%	KQ	
Vật liệu & Công nghiệp				
ACG(2)		-5%	MUA	Lợi nhuận quý 3 đạt kỳ lục nhờ chiết khấu thúc đẩy tăng trưởng doanh thu và chi phí đầu vào thấp; vượt kỳ vọng LNST sau lợi ích CĐTTS trong 9T 2025 tăng 7% YoY, phù hợp với dự báo; sản lượng quý 3 tăng bù đắp một phần cho giá bán trung bình giảm QoQ
BMP	27%	24%	KQ	
DGC	7%	14%	MUA	
DHC		34%	MUA	
HPG		35%	MUA	
HSG (1)		-2%	PHTT	
NKG		-26%	PHTT	
PTB		10%	KQ	
STK	45%	386%	KQ	
Điện & Nước				
BWE (2)		14%	KQ	Lỗ tỷ giá tiếp tục ăn mòn kết quả quý 3, song việc tái cấp vốn khoản vay USD sang VND dự kiến giúp giảm rủi ro tỷ giá trong tương lai

GEX		-6%	PHTT		
HDG		115%	MUA		
NT2	6703%	875%	MUA	MUA	LNST quý 3 đạt mức cao kỷ lục trong 4 năm qua - tiềm năng điều chỉnh tăng rõ rệt
PC1		19%	KQ		
POW		19%	KQ		
PPC	-82%	-43%	PHTT		LNST sau lợi ích CĐTTS 9 tháng giảm 81% YoY do sản lượng thấp đi kèm với chênh lệch giá thu hẹp, thấp hơn kỳ vọng
QTP	-15%	-5%	MUA		LNST sau lợi ích CĐTTS trong 9T giảm 15% YoY do sản lượng và chênh lệch giá giảm nhẹ; thấp hơn nhẹ so với kỳ vọng
REE		29%	PHTT		
TDM (2)	-54%	-57%	PHTT		Sản lượng Q3 2025 yếu, M&A Biwase Can Tho
TV2		4%	MUA		
DPG		52%	MUA		
VGC	50%	3%	PHTT	MUA	Lượng bàn giao đất KCN thấp hơn dự kiến, mảng VLXD trên đà phục hồi, rủi ro điều chỉnh giảm dự báo
Dầu khí					
BSR		370%	BÁN		
DCM (2)		44%	MUA		
DPM		101%	KQ		
GAS		17%	KQ		
OIL (2)		-8%	KQ		
PLX (2)		-5%	MUA		
PLC		193%	MUA		
PVD (2)		4%	KQ		
PVS (2)	100%	62%	MUA	MUA	LNST sau lợi ích CĐTTS quý 3 tăng gấp đôi YoY nhờ doanh thu và thu nhập tài chính ròng tăng mạnh, tiềm năng điều chỉnh tăng đáng kể
PVT (2)		3%	KQ		

(*) Ghi chú: Chúng tôi sẽ cập nhật kết quả của từng công ty khi KQKD được công bố. (1) Năm tài chính của HSG bắt đầu từ ngày 01/10 đến ngày 30/09. Do đó KQKD quá khứ trên là tăng trưởng của tổng EPS quý 2-quý 4/năm tài chính 2025. (2) Dựa trên LN cốt lõi, không bao gồm các khoản bất thường.

Sàn GDCK TPHCM (HSX)

	Điểm	Δ
VNIndex	1.680,5	28,0
VN 30	1.949,3	48,5
VN Mid	2.375,4	44,7
VNSmall	1.523,2	16,3

Sàn GDCK Hà Nội (HNX)

	Điểm	Δ
HNXINDEX	266,8	1,4
HNX30	576,2	6,5
VNX Allshare	2.905,7	64,1

Sàn Upcom (UPCOM)

	Điểm	Δ
UpCom	111,0	-0,3

Giao dịch	GTGD (Tỷ đồng)	% trong GTGD
Thỏa thuận	2.015,7	6,8%
Khối ngoại mua	4.893,9	16,5%
Khối ngoại bán	3.372,5	11,4%
Tổng giao dịch	29.712,5	

Giao dịch	GTGD (Tỷ đồng)	% trong GTGD
Thỏa thuận	201,9	8,2%
Khối ngoại mua	89,8	3,7%
Khối ngoại bán	166,6	6,8%
Tổng giao dịch	2.452,8	

Giao dịch	GTGD (Tỷ đồng)	% trong GTGD
Thỏa thuận	80,8	13,9%
Khối ngoại mua	28,6	4,9%
Khối ngoại bán	17,8	3,1%
Tổng giao dịch	583,4	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
CTD	6.100	7,0%
HAH	3.900	7,0%
VJC	12.200	7,0%
ICT	1.250	6,9%
ABT	4.700	6,9%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
TIG	600	8,1%
EVS	400	6,7%
HUT	700	4,4%
API	300	4,2%
SHS	900	3,9%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
ACV	1.336	2,5%
KLB	316	1,9%
ABI	139	0,7%
FOX	312	0,5%
BMS	61	0,5%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
HHP	-450	-3,9%
HT1	-550	-3,1%
TDP	-1.100	-3,1%
NVL	-400	-2,9%
VNE	-150	-2,3%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
CEO	-700	-2,5%
NDN	-200	-1,6%
NVB	-200	-1,3%
PVC	-100	-1,0%
C69	-100	-0,8%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi	Giá % Δ
DDV	-1.472	-4,5%
BTH	-2.282	-3,3%
ABB	-390	-3,0%
DRI	-211	-1,8%
ABW	-184	-1,8%

(*) GT vốn hóa > 500 tỷ đồng VND, Giá trị GD > 1.5 tỷ đồng

GTGD cao nhất	Tỷ đồng
FPT	2.748
VHM	1.457
SSI	1.232
MBB	1.166
VIC	1.107

GTGD cao nhất	Tỷ đồng
CEO	1.126
SHS	383
PVS	137
HUT	133
DNP	131

GTGD cao nhất	Tỷ đồng
MSR	74
MCH	73
ACV	55
ABB	52
DDV	52

Cổ phiếu KLGD nhiều nhất*	Giao dịch hôm nay	Giá trị trung bình 30 ngày
ICT	780.834	68.759
HVH	697.772	123.835
DHA	469.331	97.251
FIR	610.782	146.244
CSV	1.446.174	522.294
HAH	4.492.198	1.885.748
FPT	27.336.368	11.643.299
SIP	1.044.152	450.983
HID	972.588	433.195
HHP	1.018.359	461.380

Cổ phiếu KLGD nhiều nhất*	Giao dịch hôm nay	Giá trị trung bình 30 ngày
AAV	1.039.671	396.408
PGN	279.817	132.240
HLD	197.962	95.754
PSI	508.723	262.813
NAG	1.408.926	784.707
PSD	224.180	127.787
CEO	42.741.250	25.437.742
VHE	549.701	348.161
PPT	308.702	227.908
PVC	1.353.073	1.005.684

Cổ phiếu KLGD nhiều nhất*	Giao dịch hôm nay	Giá trị trung bình 30 ngày
BIG	658.762	114.233
ABI	144.117	84.518
FOX	110.011	67.357
ACV	998.316	683.215
GDA	88.400	68.702
DDV	1.661.332	1.484.969
HNH	297.800	297.079
HBC	1.781.523	1.911.227
ABB	4.028.922	4.329.167
ABC	73.910	82.639

(*) Có ít nhất 50.000 cổ phiếu giao dịch trong phiên hôm nay

Top 5 mã vốn hóa lớn nhất của mỗi ngành

Dịch vụ tài chính **

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	1.585,3		17,5	2,2	13,2
SSI	2.828,7	65,8	19,1	2,4	13,1
VIX	1.862,7	89,7	11,6	2,4	24,1
VND	1.200,6	86,6	16,4	1,5	9,7
VCI	1.049,2	70,5	24,0	2,2	8,8
HCM	985,2	10,4	16,5	2,4	10,5

Bảo hiểm

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	511,5		13,3	1,6	2,9
BVH	1.408,0	21,9	15,2	1,6	0,0
PVI	645,5	42,4	14,1	1,9	14,4
BIC	190,9	3,6	9,2	1,7	0,0
VNR	157,1	22,4	13,0	1,1	0,0
PTI	156,3	62,5	15,1	1,6	0,0

Công nghiệp

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	3.150,3		20,6	4,1	12,4
ACV	7.453,0	45,7	19,9	3,1	0,0
GEE	2.504,1	49,8	19,8	8,8	48,1
MVN	2.049,4	0,0	34,2	4,1	0,0
VEA	1.995,5	47,4	7,0	1,8	0,0
GEX	1.749,3	41,6	22,1	2,9	14,1

Hàng tiêu dùng

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	3.671,5		19,8	4,5	11,5
MCH	6.009,9	33,5	19,4	9,9	46,8
VNM	4.559,8	51,6	14,0	3,8	0,0
MSN	4.341,8	24,4	36,0	3,4	10,5
SAB	2.215,7	40,9	14,3	2,7	0,0
PNJ	1.230,6	0,2	15,5	2,7	0,0

Dầu khí

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	1.223,5		-307,1	1,2	2,1
BSR	3.064,1	48,8	-1.616,3	1,4	0,0
PLX	1.644,4	2,8	20,5	1,7	0,0
PVS	572,3	34,0	10,4	1,1	10,4
PVD	425,7	42,8	14,1	0,7	0,0
OIL	410,8	0,7	36,1	1,0	0,0

Tiện ích

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	1.958,8		18,6	5,2	3,9
GAS	5.502,9	47,2	12,0	2,2	0,0
REE	1.307,4	0,0	14,4	1,8	0,0
POW	1.232,8	45,4	21,8	1,0	0,0
DNH	899,1	0,0	23,2	19,6	19,3
PGV	851,9	50,0	21,5	1,5	0,0

Bất động sản

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	11.508,3		26,7	3,9	4,7
VIC	32.234,2	40,3	63,1	5,9	0,0
VHM	16.705,0	38,8	15,3	2,1	0,0
VRE	3.178,4	30,8	19,0	1,9	0,0
KSF	2.807,9	50,0	16,9	6,2	23,4
BCM	2.616,1	32,0	19,0	3,3	0,0

Ngân hàng

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	11.507,3		11,2	1,7	5,7
VCB	19.055,9	7,9	14,5	2,4	0,0
CTG	10.001,5	3,0	8,7	1,6	0,0
BID	9.901,3	12,4	10,1	1,7	0,0
TCB	9.696,5	0,0	11,6	1,6	14,2
VPB	8.881,1	5,6	11,3	1,5	14,0

Dịch vụ tiêu dùng

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	3.854,7		37,3	-1,1	3,9
VPL	5.453,0	48,9	54,7	4,6	0,0
MWG	4.731,7	1,2	21,3	4,0	19,7
VJC	4.216,3	17,8	54,7	4,7	0,0
HVN	3.914,7	20,8	8,9	-27,4	0,0
FRT	958,0	16,3	46,8	8,8	0,0

Vật liệu cơ bản

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	3.671,5		19,8	4,5	11,5
HPG	6.009,9	27,3	19,4	9,9	46,8
GVR	4.559,8	12,1	14,0	3,8	0,0
DGC	4.341,8	34,4	36,0	3,4	10,5
KSV	2.215,7	0,0	14,3	2,7	0,0
MSR	1.230,6	99,9	15,5	2,7	0,0

Y tế

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	1.223,5		-307,1	1,2	2,1
DHG	3.064,1	46,2	-1.616,3	1,4	0,0
IMP	1.644,4	24,8	20,5	1,7	0,0
DHT	572,3	9,0	10,4	1,1	10,4
DBD	425,7	84,5	14,1	0,7	0,0
DVN	410,8	0,0	36,1	1,0	0,0

Công nghệ

Mã	GT vốn hóa	FOL còn lại	P/E	P/B	ROE
Trung bình	1.958,8		18,6	5,2	3,9
FPT	5.502,9	8,0	12,0	2,2	0,0
CMG	1.307,4	13,9	14,4	1,8	0,0
SAM	1.232,8	48,5	21,8	1,0	0,0
SGT	899,1	-5,5	23,2	19,6	19,3
ELC	851,9	45,9	21,5	1,5	0,0

Nguồn: Fiinpro, Vietcap

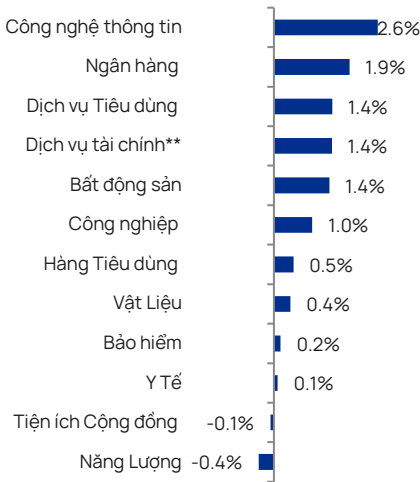
* Phân ngành theo ICB, GT vốn hóa (triệu USD), FOL còn lại (%)

** ngoại trừ ngân hàng

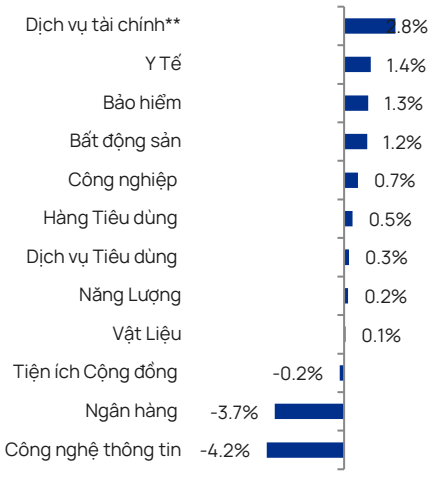
Diễn biến hàng ngày theo ngành

Sàn giao dịch chứng khoán

Tp. Hồ Chí Minh (HSX)

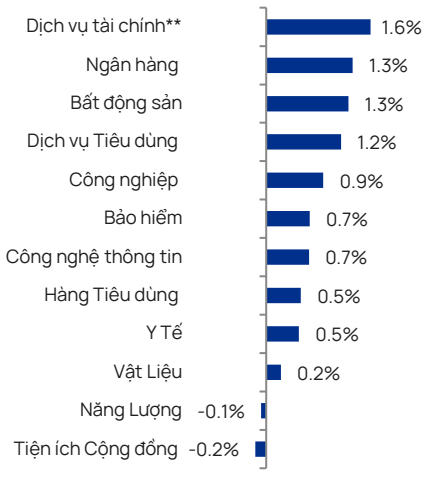


Sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX)



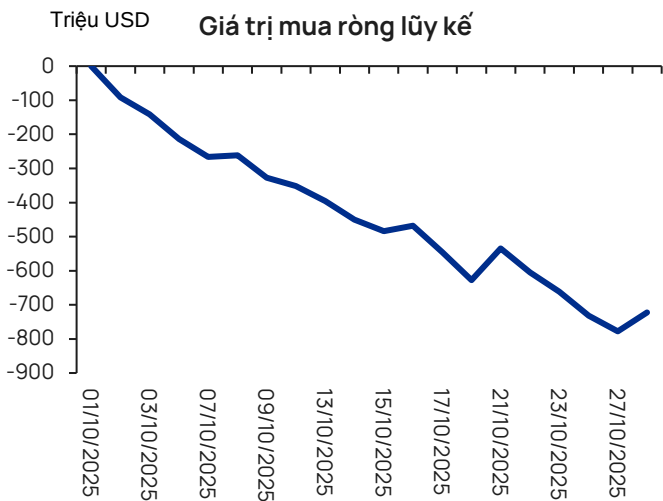
Sàn giao dịch chứng khoán

Tp. Hồ Chí Minh và Hà Nội (HSX+HNX)



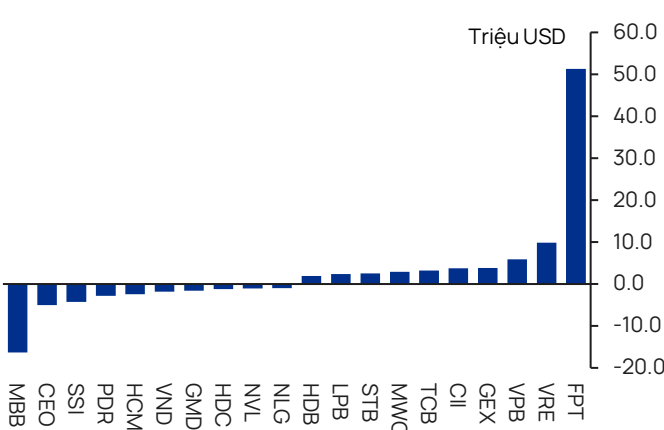
GTGD của khối ngoại cộng dồn trong 20 ngày

(HSX, HNX, UPCOM)



Các mã khối ngoại mua ròng và bán ròng cao nhất nhất

(HSX, HNX, UPCOM) trong ngày



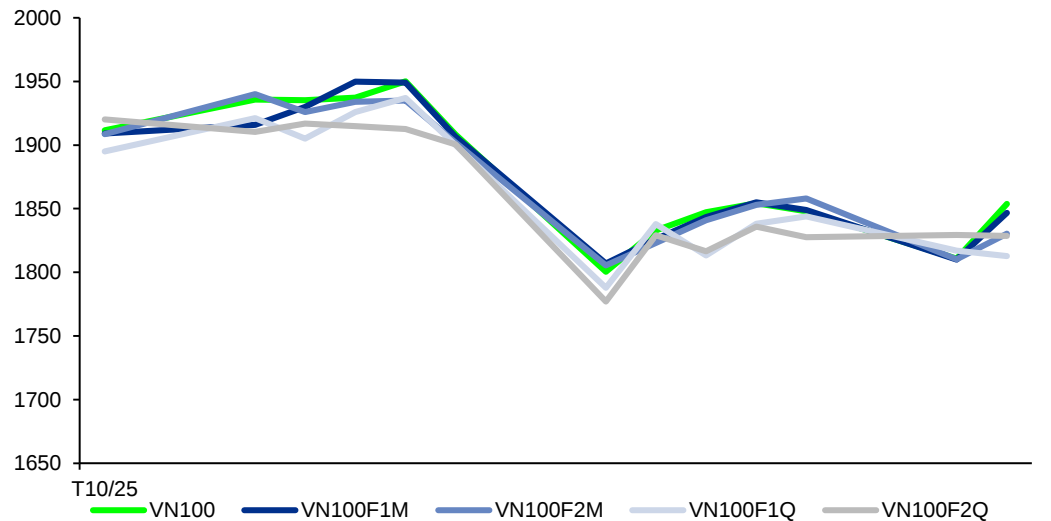
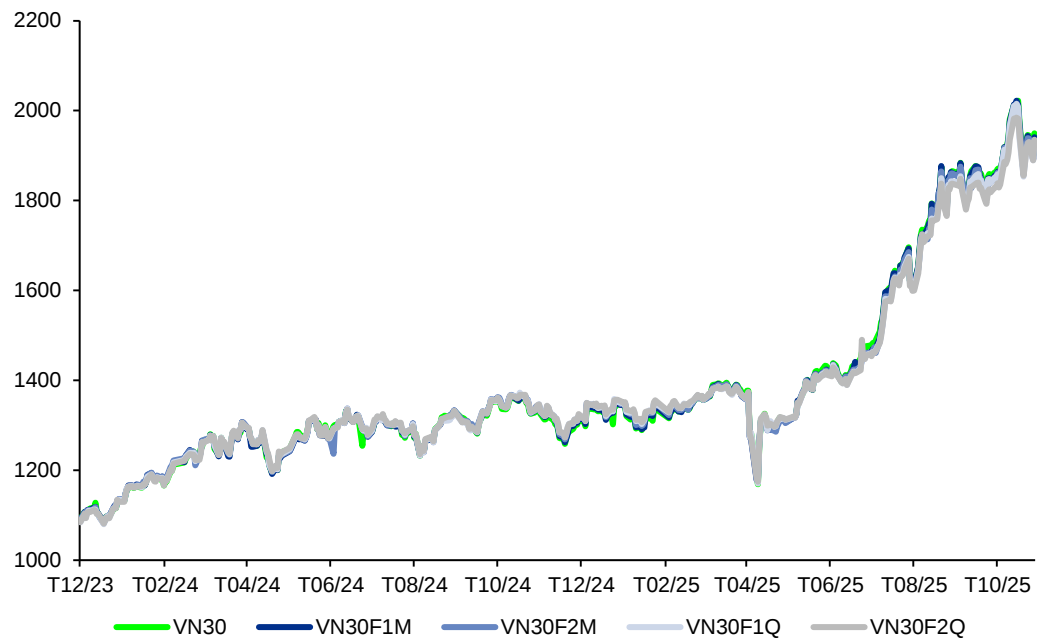
Nguồn: HSX, HNX, Fiinpro

** ngoại trừ ngân hàng

Giao dịch Phái sinh

Hợp đồng	Giá	Net Δ	% Δ	Chênh lệch
VN30F1M	1.940,9	49,4	2,6%	-8,4
VN30F2M	1.934,4	34,4	1,8%	-14,9
VN30F1Q	1.930,0	40,2	2,1%	-19,3
VN30F2Q	1.935,0	45,1	2,4%	-14,3
VN100F1M	1.846,7	36,6	2,0%	-7,0
VN100F2M	1.830,5	20,2	1,1%	-23,2
VN100F1Q	1.812,9	-4,2	-0,2%	-40,8
VN100F2Q	1.828,6	-0,9	0,0%	-25,1

Hợp đồng	Khối lượng	% Δ	KL giao dịch	%Δ
VN30F1M	40.435	15,0%	8,67	-97,9%
VN30F2M	2.821	13,6%	1,66	24,2%
VN30F1Q	270	-0,7%	0,11	7,8%
VN30F2Q	96	-1,0%	0,05	-44,2%
VN100F1M	97	-15,7%	0,14	-14,5%
VN100F2M	7	-41,7%	0,01	-15,4%
VN100F1Q	24	0,0%	0,02	70,0%
VN100F2Q	13	-13,3%	0,06	328,6%

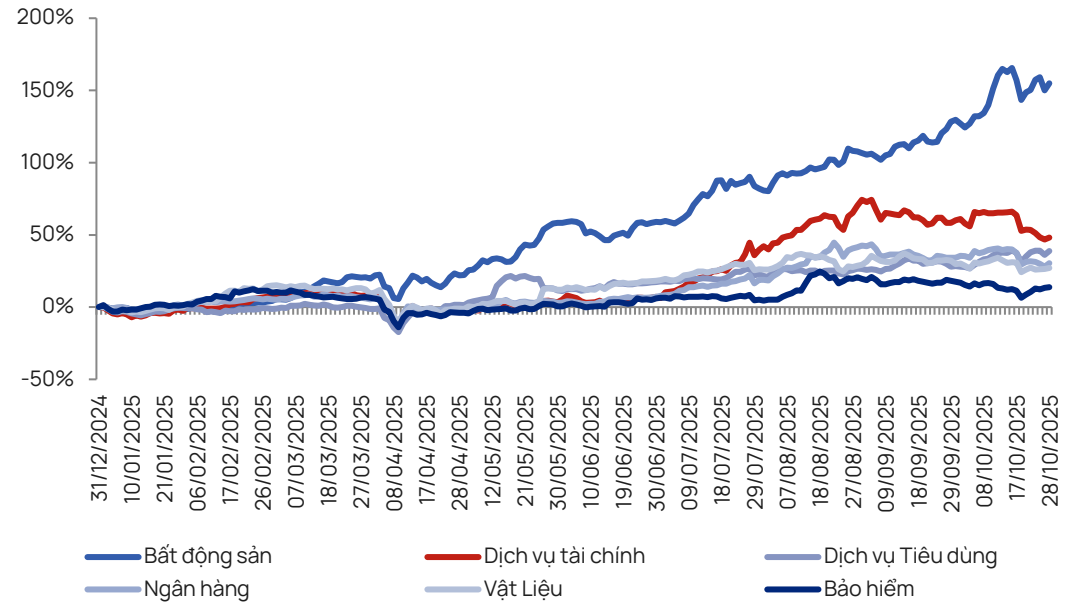


Nguồn: Fiinpro, Vietcap

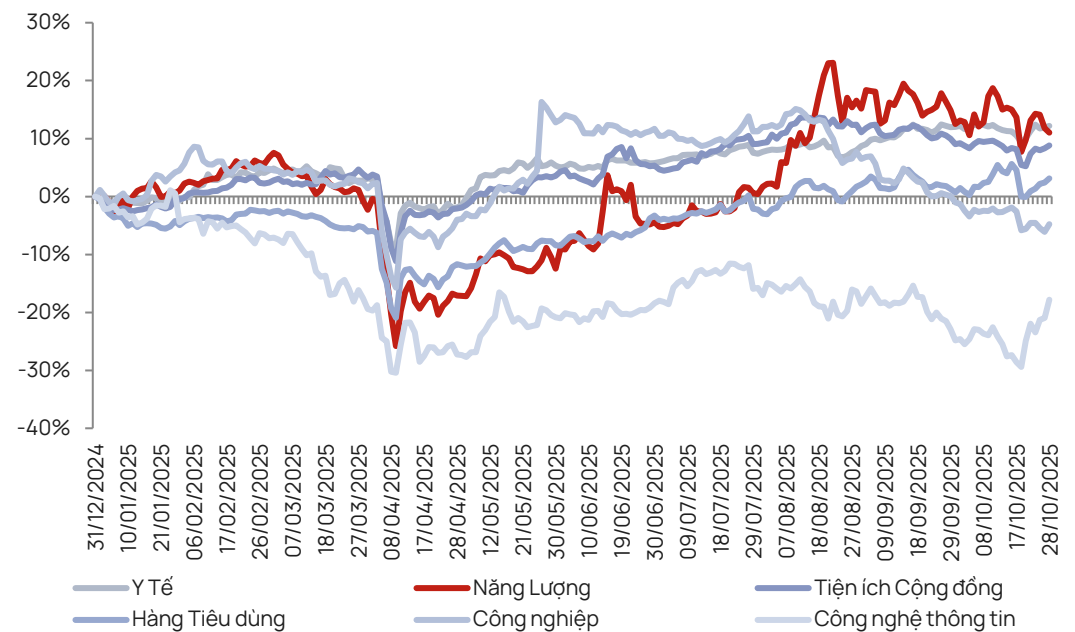
Ghi chú: F1M = hợp đồng đáo hạn trong 1 tháng
 F2M = hợp đồng đáo hạn trong 2 tháng
 F1Q = hợp đồng đáo hạn trong 1 quý
 F2Q = hợp đồng đáo hạn trong 2 quý

Diễn biến theo ngành có trọng số YTD trên sàn 3 sàn

6 nhóm ngành tích cực nhất*



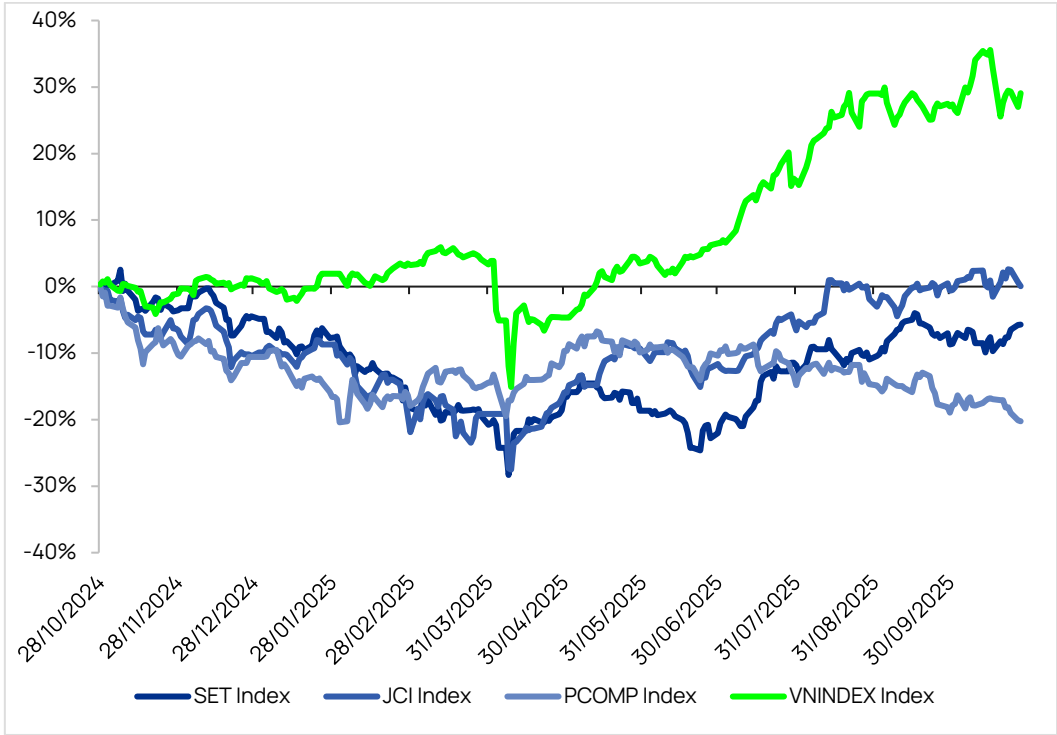
6 nhóm ngành kém tích cực nhất*



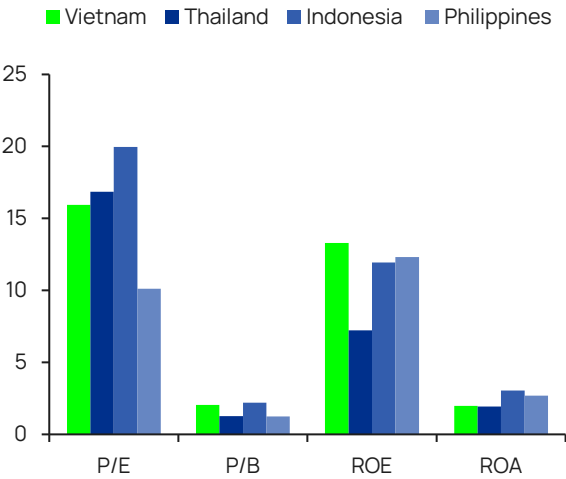
Nguồn: Fiinpro, Vietcap

* Phân ngành theo ICB

Diễn biến các thị trường trong khu vực



Ghi chú: dựa theo giá trị đồng tiền của các quốc gia tương ứng



	Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
	SET Index	JCI Index	PCOMP Index	VN- Index
P/E	16,8	20,0	10,1	15,9
P/B	1,3	2,2	1,3	2,0
ROE (%)	7,2	11,9	12,3	13,3
ROA (%)	1,9	3,0	2,7	2,0
Giá trị vốn hóa, tỷ USD	505,1	917,1	147,6	282,1
GTGD trung bình, tr USD	1.178,8	805,8	78,0	858,0
Mua ròng khối ngoại - YTD, tr USD	-2.931,8	-2.786,7	-730,0	-4.396,3
Mua ròng khối ngoại - 5 ngày, tr USD	123,0	214,0	(18,1)	(110,9)
Lợi suất TPCP 5 năm	1,39%	5,41%	5,68%	3,16%

Nguồn: Bloomberg, Vietcap

Ghi chú: Nếu tỷ lệ P/E, ROE, ROA là N/A, cột P/E, ROE, ROA tương ứng sẽ không thể hiện

Dữ liệu P/E sử dụng lợi nhuận pha loãng

Liên hệ

CTCP Chứng khoán Vietcap (Vietcap)

www.vietcap.com.vn

Trụ sở chính (1): Bitexco

Tháp tài chính Bitexco, tầng 15,
Số 2 Hải Triều, Phường Sài Gòn, Tp. HCM
+84 28 3914 3588

Trụ sở chính (2): Nguyễn Huệ

Tòa nhà Vinatex, Tầng 3, Số 10 Nguyễn Huệ,
Phường Sài Gòn, TP. HCM
+84 28 8882 6868

Phòng giao dịch Hàm Nghi

Tòa nhà Doji, tầng 16, số 81-83-83B-85 Hàm Nghi,
Phường Sài Gòn, Tp. HCM
+84 28 8882 6868

Chi nhánh Hà Nội

109 Trần Hưng Đạo, tầng 6
Phường Cửa Nam, Tp. Hà Nội
+84 24 6262 6999

Phòng giao dịch Mỹ Đình

SAP.A09 Tòa A – Chung cư cao tầng HH2-1 (The Matrix One)
Phường Từ Liêm, Tp. Hà Nội (Số 1 Lê Quang Đạo)
+84 28 8882 6868

Phòng Nghiên cứu và Phân tích

Research Team: +84 28 3914 3588
research@vietcap.com.vn

Hoàng Nam
Giám đốc, ext 124
nam.hoang@vietcap.com.vn

Ngân hàng, Chứng khoán và Bảo hiểm

Huỳnh Thị Hồng Ngọc,
Trưởng phòng, ext 138
- Vũ Thế Quân, Phó Trưởng phòng, ext 364
- Hồ Thu Nga, Chuyên viên, ext 516

Vĩ mô
Hoàng Thúy Lương
Trưởng phòng cao cấp, ext 368
- Đào Minh Quang, Chuyên viên, ext 365

Hàng tiêu dùng

Hoàng Nam
Giám đốc, ext 124
- Bùi Xuân Vĩnh, Chuyên viên cao cấp, ext 584
- Lý Phúc Thanh Ngân, Chuyên viên cao cấp, ext 532
- Nguyễn Thảo Nguyên, Chuyên viên, ext 268

Dầu khí, Điện và Nước
Đinh Thị Thủy Dương
Phó Giám đốc, ext 140
- Dương Tấn Phước, Chuyên viên, ext 135
- Đỗ Công Anh Tuấn, Chuyên viên, ext 181
- Phạm Phú Lộc, Chuyên viên, ext 549

Bất động sản

Lưu Bích Hồng
Trưởng phòng cao cấp, ext 120
- Phạm Nhật Anh, Chuyên viên cao cấp, ext 149
- Thân Như Đoàn Thực, Chuyên viên cao cấp, ext 174

Công nghiệp và Cơ sở hạ tầng
Nguyễn Thảo Vy
Trưởng phòng cao cấp, ext 147
- Nguyễn Thị Ngọc Hân, Chuyên viên, ext 191
- Hoàng Gia Huy, Chuyên viên, ext 526

Khách hàng cá nhân

Vũ Minh Đức - Phó Giám đốc, ext 363
- Nguyễn Quốc Nhật Trung, Trưởng phòng, ext 129
- Tống Hoàng Trâm Anh, Chuyên viên cao cấp, ext 366
- Lê Hải Đăng, Chuyên viên, ext 570
- Võ Phan Hồng Kiệt, Chuyên viên, ext 470

Phòng Tư Vấn Đầu Tư, Giao dịch Chứng khoán – Khách hàng tổ chức và Trái phiếu

Tuan Nhan
Giám đốc điều hành
Phòng Tư Vấn Đầu Tư, Giao dịch Chứng khoán – Khách
hàng tổ chức và Trái phiếu
+84 28 3914 3588, ext 107
tuan.nhan@vietcap.com.vn

Châu Thiên Trúc Quỳnh
Giám đốc điều hành
Phòng Tư Vấn Đầu Tư
+84 28 3914 3588, ext 222
quynh.chau@vietcap.com
.vn

Hệ thống khuyến nghị của Vietcap

Phương pháp định giá và Hệ thống khuyến nghị của Vietcap

Nội dung chính trong hệ thống khuyến nghị: Khuyến nghị được đưa ra dựa trên mức tăng/giảm tuyệt đối của giá cổ phiếu để đạt đến giá mục tiêu, được xác định bằng công thức (giá mục tiêu - giá hiện tại)/giá hiện tại và không liên quan đến hoạt động thị trường. Công thức này được áp dụng từ ngày 1/1/2014.

Các khuyến nghị	Định nghĩa
MUA	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ trên 20%
KHẢ QUAN	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ dương từ 10%-20%
PHÙ HỢP THỊ TRƯỜNG	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ dao động giữa âm 10% và dương 10%
KÉM KHẢ QUAN	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ âm từ 10-20%
BÁN	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ âm trên 20%
KHÔNG ĐÁNH GIÁ	Bộ phận nghiên cứu đang hoặc có thể sẽ nghiên cứu cổ phiếu này nhưng không đưa ra khuyến nghị hay giá mục tiêu vì lý do tự nguyện hoặc chỉ để tuân thủ các quy định của luật và/hoặc chính sách công ty trong trường hợp nhất định, bao gồm khi Vietcap đang thực hiện dịch vụ tư vấn trong giao dịch sáp nhập hoặc chiến lược có liên quan đến công ty đó.
KHUYẾN NGHỊ TẠM HOÃN	Hình thức đánh giá này xảy ra khi chưa có đầy đủ thông tin cơ sở để xác định khuyến nghị đầu tư hoặc giá mục tiêu. Khuyến nghị đầu tư hoặc giá mục tiêu trước đó, nếu có, không còn hiệu lực đối với cổ phiếu này.

Trừ khi có khuyến cáo khác, những khuyến nghị đầu tư chỉ có giá trị trong vòng 12 tháng. Những biến động giá trong tương lai có thể làm cho các khuyến nghị tạm thời không khớp với mức chênh lệch giữa giá thị trường của cổ phiếu và giá mục tiêu nên việc diễn giải các khuyến nghị đầu tư cần được thực hiện một cách linh hoạt.

Rủi ro: Tình hình hoạt động trong quá khứ không nhất thiết sẽ diễn ra tương tự cho các kết quả trong tương lai. Tỷ giá ngoại tệ có thể ảnh hưởng bất lợi đến giá trị, giá hoặc lợi nhuận của bất kỳ chứng khoán hay công cụ tài chính nào có liên quan được nói đến trong báo cáo này. Để được tư vấn đầu tư, thực hiện giao dịch hoặc các yêu cầu khác, khách hàng nên liên hệ với đơn vị đại diện kinh doanh của khu vực để được giải đáp.

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap, Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố, Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này, Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành, Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước, Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này, Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt, Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap, Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.